

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN E  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 01 -2022.

“V/v: Kiện ly hôn và tranh chấp  
về nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Tuyển và ông Nguyễn Văn Độ.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Trường - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện E.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa:* ông Nguyễn Quốc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 26/01/2022 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 247/2021/TLST-HNGĐ, ngày 09/7/2021 về việc “Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐ-HPT, ngày 12/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện E, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Thu T - sinh năm 1996; Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Huỳnh H - sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị Thu T trình bày:***

Chị Ngô Thị Thu T tự nguyện chung sống với anh Lê Huỳnh H từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống dẫn đến cãi vã, đánh nhau. Đến nay cảm thấy không còn tình cảm với anh H nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Huỳnh H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Ngô Thị Thu T và anh Lê Huỳnh H có 01 con chung là Lê Ngô Bằng D - sinh ngày 07/09/2018.

Chị Ngô Thị Thu T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng phí tổn nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng. Theo chị T, các khoản chi phí nuôi dưỡng con chung/tháng gồm: Tiền ăn: 2.000.000 đồng; tiền sữa: 2.000.000 đồng; tiền bỉm: 500.000 đồng; tiền thuốc, đau ốm: 500.000 đồng. tổng các khoản chi phí là 5.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Lê Huỳnh H đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh Lê Huỳnh H vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Lê Huỳnh H về yêu cầu khởi kiện của chị T. Tại phiên tòa, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thu thập đầy đủ và đúng trình tự theo quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Thu T về việc ly hôn với anh Lê Huỳnh H. Về con chung: đề nghị giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. về cấp dưỡng nuôi con: đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị T về cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Chị Ngô Thị Thu T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung với anh Lê Huỳnh H là “Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lê Huỳnh H đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2, nH anh Lê Huỳnh H vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Ngô Thị Thu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Thu T và anh Lê Huỳnh H chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện E, tỉnh

Đã Lỗi theo giấy chứng nhận kết hôn số 14/2017 ngày 20/02/2017 là trên cơ sở tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua trình bày của chị T, cũng như xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh H sinh sống, đã có căn cứ xác định: Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh H có xảy ra mâu thuẫn NH không xác định được mâu thuẫn là gì. Sau khi phát sinh mâu thuẫn, chị T đã bỏ nhà bỏ mẹ ruột sống cho đến nay đã gần hai năm. Do đó, xét thấy giữa chị T và anh H đã sống ly thân một thời gian lâu, giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau. Vì vậy, việc chị T yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ, cần chấp nhận.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị T và anh H đã có với nhau 01 con chung là Lê Ngô Băng D - sinh ngày 07/09/2018.

Nguyên vọng của chị T là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không có mặt tại Tòa án để thể hiện ý chí của mình về quan hệ hôn nhân và giải quyết về con chung. Xét thấy, chị T có công việc làm ổn định, có thu nhập hàng tháng. Hiện nay con chung đang ở cùng với chị T, anh H không có ý kiến gì về việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó cần thiết giao con chung là cháu Lê Ngô Băng Di cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với nguyên vọng của chị T và đảm bảo quyền lợi của con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh H có trách nhiệm cấp dưỡng phí tổn nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng. Chị T kê khai các khoản chi phí hàng tháng gồm: Tiền ăn, sữa, bỉm, đau ốm, tổng cộng 5.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không đến Tòa án để làm việc, chị T do không chung sống với anh H một thời gian lâu nên không xác định hiện nay anh H làm công việc gì, mức thu nhập như thế nào. Theo xác minh tại chính quyền địa phương, anh H là lao động tự do, không có công việc làm và thu nhập ổn định, nên không xác định được thu nhập hàng tháng của anh H.

Xét thấy, cần buộc anh H cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung là phù hợp. Tuy nhiên, anh H không có công việc và thu nhập ổn định nên buộc anh H cấp dưỡng phí tổn nuôi con hàng tháng bằng  $\frac{1}{2}$  mức lương tối thiểu vùng với số tiền là 1.535.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho chị Ngô Thị Thu T được ly hôn với anh Lê Huỳnh H.

- Về con chung: Giao con chung Ngô Lê Băng D - sinh ngày 7/9/2018 cho chị Ngô Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận một phần yêu cầu của chị T về cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con cho chị T mỗi tháng là 1.535.000 đồng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Lê Huỳnh H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và trợ cấp phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về án phí:

Chị Ngô Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện E theo Biên lai số AA/2021/0000275 ngày 29/6/2021.

Anh Lê Huỳnh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được quy định theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện E;
- Thi hành án huyện E;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã N,E;
- Lưu hồ sơ, vì tính.

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
*Đã ký tên và đóng dấu*

**Nguyễn Thị Bích Thủy**